CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Ngày 31/12/2025	4,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.9%	**11.4%**	**8.9%**

DT thuần
Q4/25
74.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 50.3| 208%
YoY: ▲ 53.8| 260%

LN thuần
Q4/25
1.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.93| -63.8%
YoY: ▲ 3.43| 195%

LN sau thuế
Q4/25
0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.04| -26.3%
YoY: ▲ 2.11| 106%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.8%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE
2025
0.3%
YoY: +/-▲ 0.2%

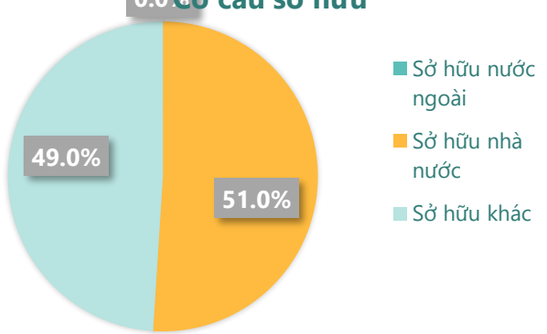
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 6,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	245
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,410
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.82
EPS	32
P/E	152.5

DT thuần
2025
209
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0| 81.1%

LN thuần
2025
11.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.0| 11420%

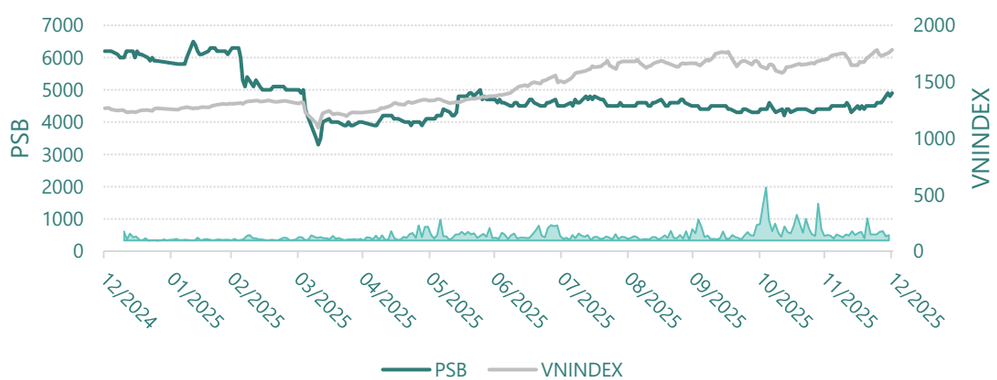
LN sau thuế
2025
1.61
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.85| 111%

Cơ cấu sở hữu

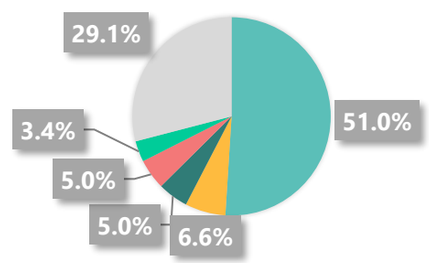


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

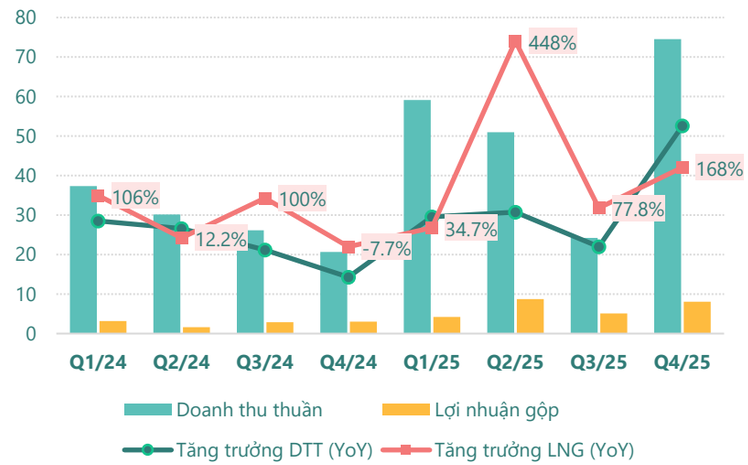


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- CTCP Dịch vụ và Tư vấn Tương Lai
- CTCPP Dịch vụ Đầu tư Mặt Trời Việt
- CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn
- Chi cục thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội

(Nguồn: fireant.vn)

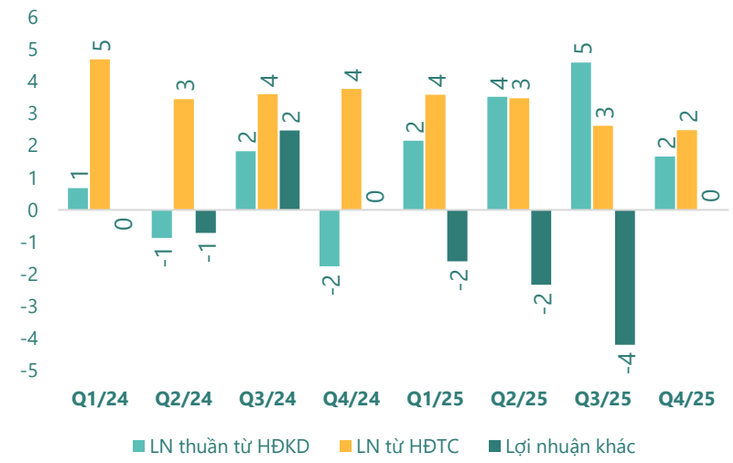
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



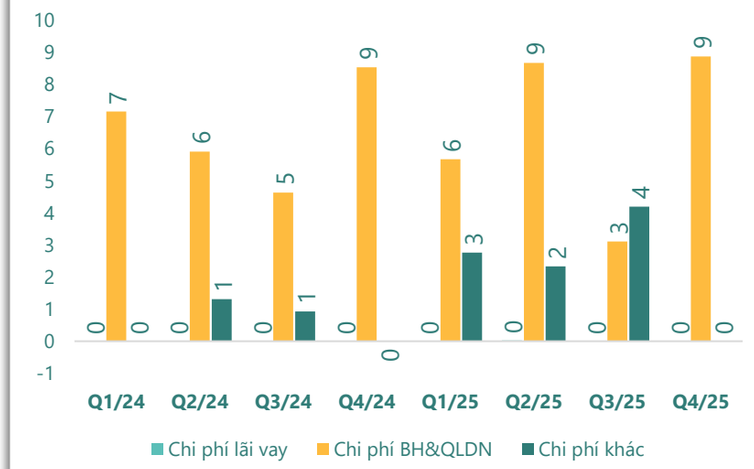
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



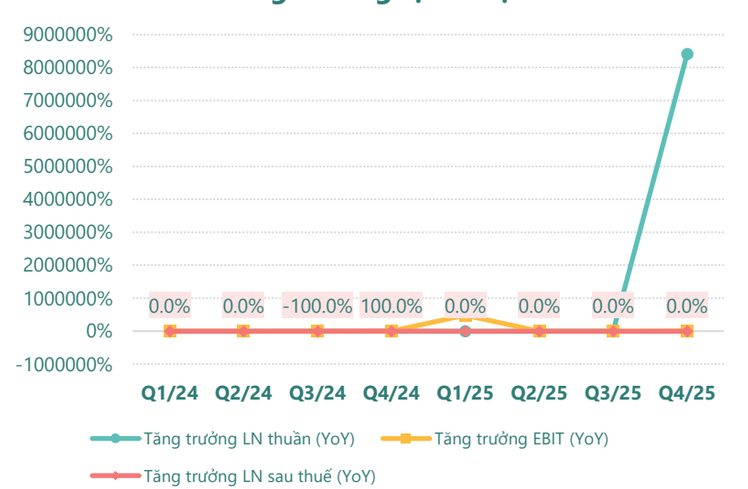
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



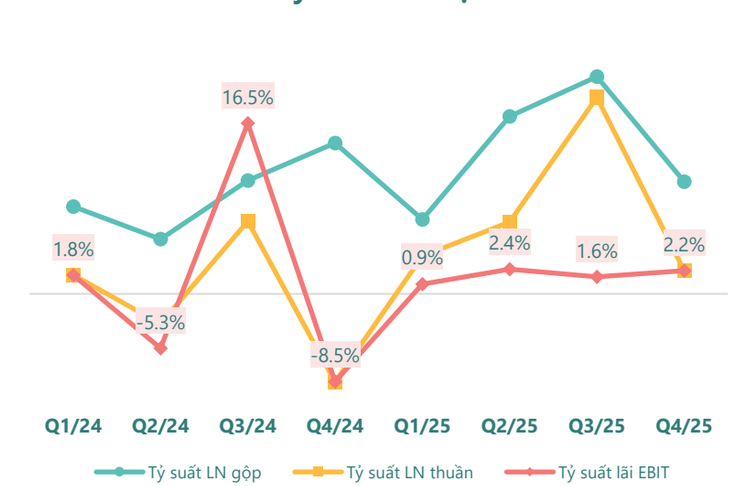
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



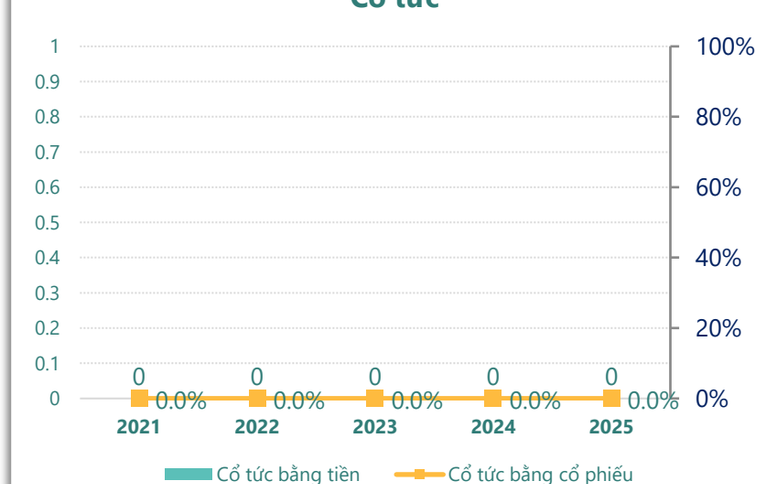
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

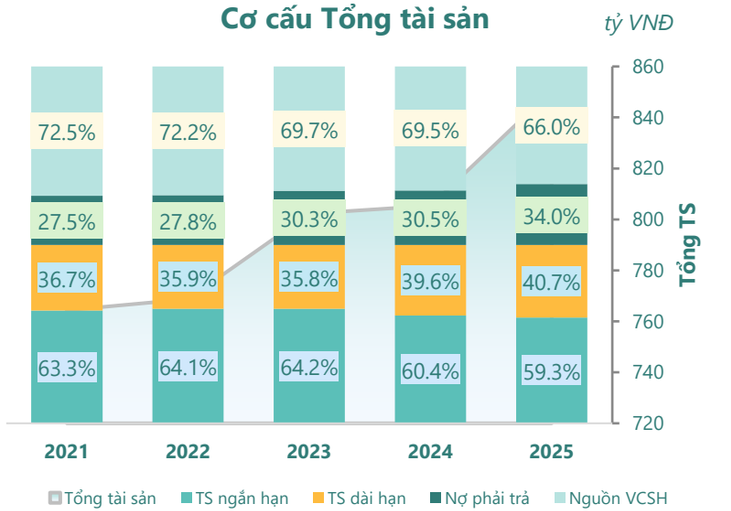
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

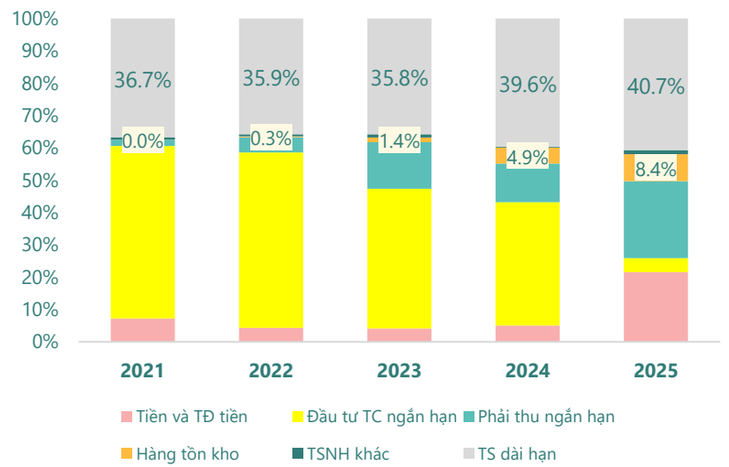
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



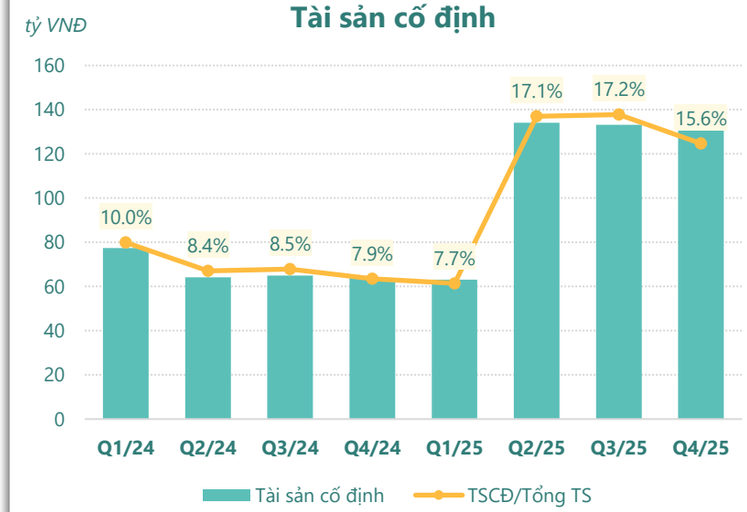
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



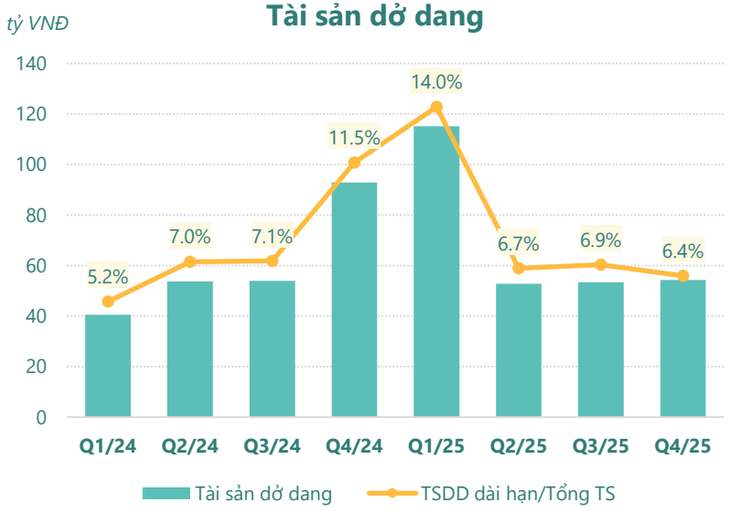
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



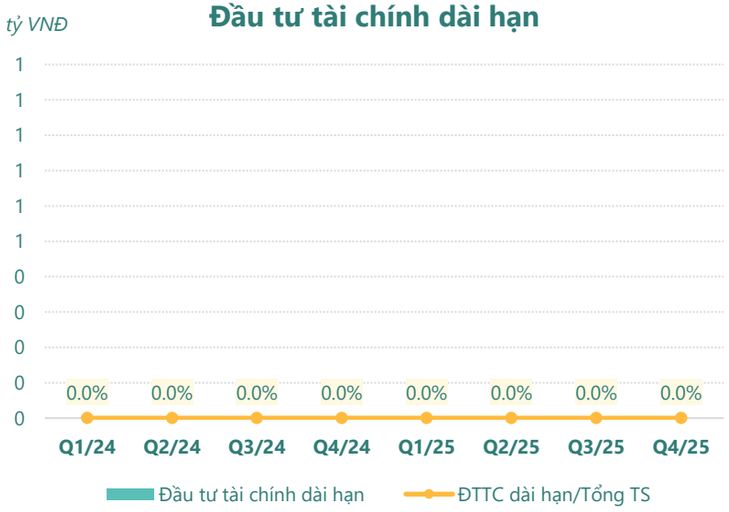
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



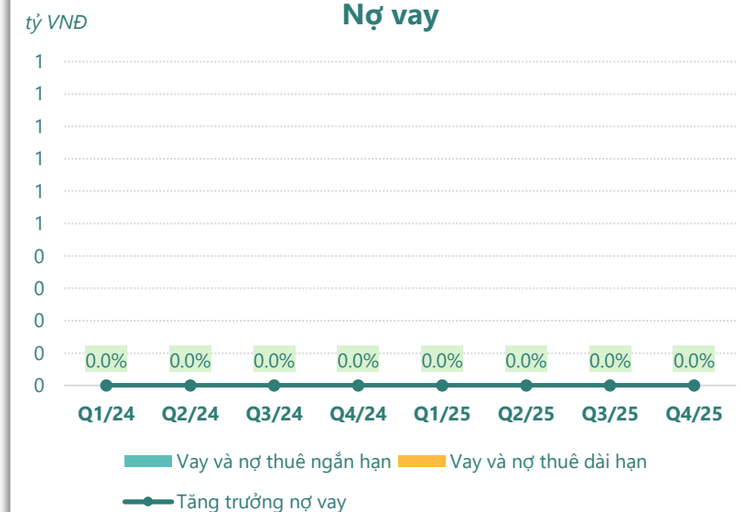
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

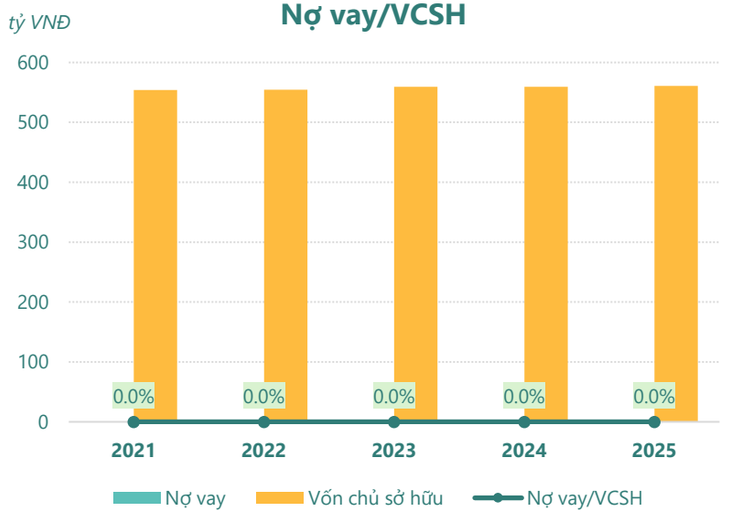
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

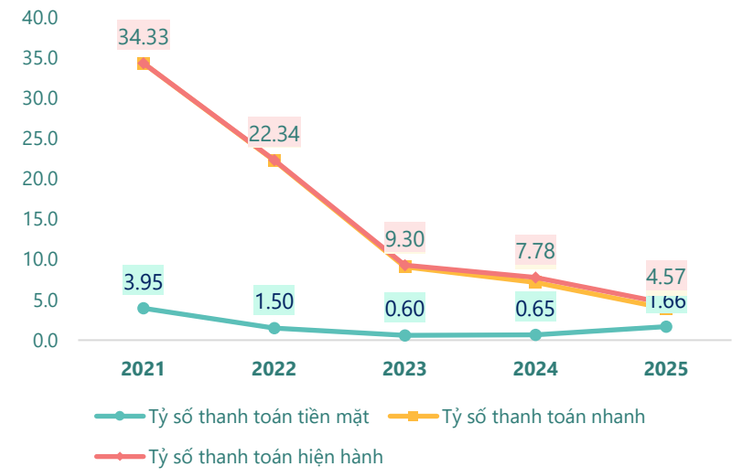
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



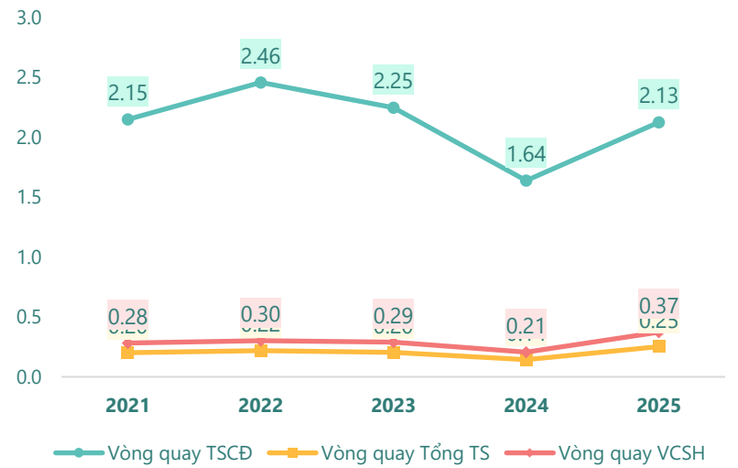
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



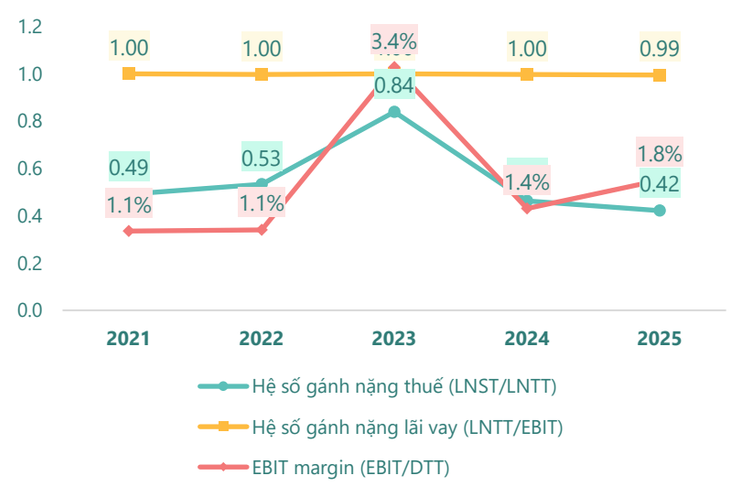
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



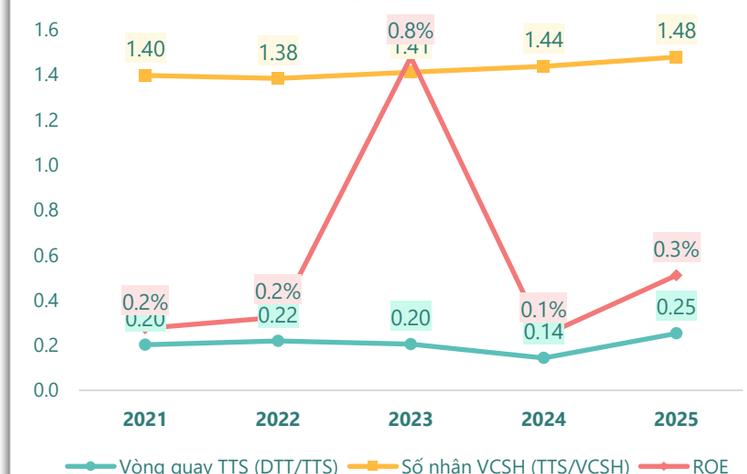
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



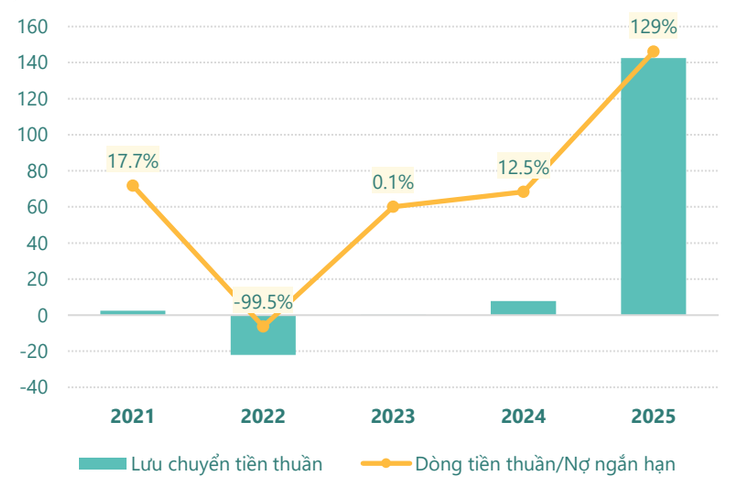
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**74.5**	**20.7**	**260%**	**209**	**115**	**81.1%**
Giá vốn hàng bán	66.5	17.7	275%	183	105	74.6%
Lợi nhuận gộp	8.06	3.01	168%	26.1	10.6	146%
Doanh thu HĐTC	2.48	3.80	-34.7%	12.2	16.4	-25.3%
Chi phí TC	0.00	0.02	-99.8%	0.05	0.84	-94.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.02	0.00	329%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.05	0.15	-67.6%	0.49	0.58	-16.7%
Chi phí QLDN	**8.83**	**8.40**	**5.1%**	**25.8**	**25.7**	**0.7%**
LN thuần từ HĐKD	1.67	-1.76	195%	11.9	-0.11	11420%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-8.13**	**1.76**	**-563%**
LN trước thuế	1.67	-1.76	195%	3.81	1.65	131%
Lợi nhuận sau thuế	**0.13**	**-1.98**	**106%**	**1.61**	**0.76**	**111%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.13**	**-1.98**	**106%**	**1.61**	**0.76**	**111%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.0	-18.8	-27.7	21.6	11.5	6.60
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-52.6	42.2	-10.1	3.95	-26.3	163
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	37.2	17.2	40.8	3.07	28.7	13.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-19.7**	**23.4**	**-37.7**	**25.6**	**-14.8**	**169**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.34	0.26	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	17.2	40.8	3.07	28.7	13.9	183

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**851**	**805**	**5.6%**
Tài sản ngắn hạn	505	486	3.8%
Tiền và tương đương tiền	183	40.8	349%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.0	307	-87.9%
Phải thu ngắn hạn	202	96.3	110%
Hàng tồn kho	71.2	39.7	79.4%
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	2.29	370%
Tài sản dài hạn	**346**	**319**	**8.3%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.00	400%
Tài sản cố định	133	63.9	107%
Bất động sản đầu tư	155	160	-3.0%
Tài sản dở dang	54.3	92.9	-41.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.12**	**2.80**	**47.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	290	246	17.8%
Nợ ngắn hạn	**110**	**62.5**	**76.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	64.8	4.50	1340%
Nợ dài hạn	179	183	-2.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**561**	**560**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**561**	**560**	**0.3%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)